TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST Ngày: 23-8-2022 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T*** tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số A, đường Huỳnh Văn N, khu phố B, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Số A, đường Huỳnh Văn N, khu phố B, phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, bà Huỳnh Thị Minh T là nguyên đơn trình bày: Bà T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú L ngày 24/12/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai còn mâu thuẫn

với nhau về kinh tế. Vì thương và lo cho tương lai của các con chung, bà T và ông K đã cố gắng hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn K. Về con chung, ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017. Khi ly hôn, bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia B và Nguyễn Ngọc Như Q cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng, bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn K là bị đơn trình bày: Ông K thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị Minh T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và về con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng như bà T trình bày thì ông K thống nhất, không có ý kiến gì khác. Tuy nhiên, hiện ông K muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn, ông K đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017. Về cấp dưỡng nuôi con, ông K thống nhất với mức cấp dưỡng do bà T đưa ra là 1.000.000đ/tháng/cháu. Về tài sản chung và nợ chung, thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ các yêu cầu và ý kiến đã trình bày. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 05/8/2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T và bị đơn ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định

tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh T và ông Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú L, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 153 ngày 24/12/2007 của Ủy ban nhân dân phường Phú L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà T và ông K đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau được nữa. Vì vậy, bà T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông K. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn K thống nhất với phần trình bày của bà T về mâu thuẫn vợ chồng. Ông K xác định vì thương các con, không muốn các con thiếu vắng tình thương yêu của cha mẹ nên ông không đồng ý ly hôn với bà T.

Xét thấy, quá trình giải quyết, nguyên đơn và bị đơn đều xác định quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả. Mâu thuẫn giữa bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong gia đình. Ông K xác định hiện mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Nguyên nhân ông không đồng ý ly hôn với bà T là do ông thương các con. Điều này cho thấy ông K không còn tình cảm với bà T. Ông K và bà T hiện đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan T đến nhau, làm cho hôn nhân của bà T và ông K lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Minh T đối với ông Nguyễn Văn K là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông K có 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017. Bà T và ông K thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho bà T ly hôn với ông K thì ông K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Huỳnh Gia B và Nguyễn Ngọc Như Q. Xét thấy, cháu B và cháu Q đang sống ổn định với ông K từ khi bà T và ông K không còn sống chung với nhau. Ông K có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Quá trình làm việc, cháu Bảo có nguyện vọng được sống chung với cha ruột tên Nguyễn Văn K trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017 cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, là chính đáng và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng. Xét thấy, ông K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung nên bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết, ông K thống nhất với mức cấp dưỡng do bà T đưa ra. Vì vậy, mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng cho mỗi con chung mà bà T đưa ra là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017 cho ông Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Gia B, sinh ngày 04/4/2009 và Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày 24/7/2017 với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày có bản án của Tòa án đến khi cháu B và cháu Q đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thị Minh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bà T

còn phải nộp tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, bà Huỳnh Thị Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Huỳnh Thị Minh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Văn K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của bà Huỳnh Thị Minh T.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Minh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0001587 ngày 05/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà T còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Phú L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Chung